

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG BỘ MẪU CÁC LOÀI THỰC VẬT KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SÔNG THANH, TỈNH QUẢNG NAM

PHẠM MAI PHƯƠNG ⁽¹⁾, VŨ ĐÌNH DUY ⁽¹⁾, NGUYỄN VŨ ANH ⁽¹⁾, PHAN KẾ LỘC ⁽²⁾,
ĐẶNG NGỌC HUYỀN ⁽¹⁾, LÊ XUÂN ĐẮC ⁽¹⁾, NGUYỄN ĐĂNG HỘI ⁽¹⁾

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sông Thanh thuộc địa bàn huyện Nam Giang và Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, tiếp giáp với nước CHDCND Lào ở phía Tây. Khu vực có tọa độ địa lý từ 15°12' đến 15°41' vĩ Bắc và 107°20' đến 107°46' kinh Đông. Khu Bảo tồn có diện tích rộng với 93249 ha thuộc vùng lõi và 108398 ha thuộc vùng đệm. Vùng lõi được chia thành hai khu vực: khu bảo vệ nghiêm ngặt 75373 ha và khu phục hồi sinh thái 17512 ha.

Địa hình KBTTN Sông Thanh có sự phân hóa khá phức tạp, là khu chuyển tiếp của miền Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam. Nơi đây có các dãy núi theo phương Bắc - Nam với các đỉnh như La De (1347 m), La Pre (1402 m) và xa về phía Nam là đỉnh Ngọc Linh (2598 m) [1]. Khí hậu của khu vực có tính nhiệt đới khá điển hình, nhiệt độ trung bình năm 25°C. Chế độ mưa và ẩm trong khu vực được quyết định bởi chế độ gió mùa Đông Bắc. Mùa mưa bắt đầu muộn hơn miền Trường Sơn Bắc, bắt đầu từ tháng 8 và kết thúc vào tháng 1 năm sau.

KBTTN Sông Thanh bao gồm các hệ sinh thái núi thấp và núi trung bình xen kẽ với những hệ sinh thái núi đá vôi, tạo nên những giá trị về khoa học, kinh tế xã hội và du lịch sinh thái. Rừng ở khu vực Sông Thanh đóng vai trò quan trọng trong phòng hộ đầu nguồn. Đến nay, KBTTN Sông Thanh đã có một số nghiên cứu điều tra cơ bản, trong đó có nghiên cứu về thực vật [1, 2], song nhìn chung, các công trình chủ yếu tập trung khảo sát, ghi nhận thành phần loài, chưa xây dựng bộ tiêu bản cũng như cơ sở dữ liệu về tài nguyên sinh vật của KBTTN. Với sự đa dạng, phân hóa không gian, địa hình và khí hậu đã tạo nên cho KBTTN Sông Thanh tài nguyên rừng phong phú và đa dạng. Sông Thanh được biết đến với nhiều loại thực vật rừng quý hiếm như Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Kim giao (*Nageya fleuryi*), Thông nạng; Động vật có Màng Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*), Chà vá chân nâu (*Pygathix nemauensis*), Chà vá chân xám (*Pygathix cinerea*), Mang lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*) [1, 2].

Để bổ sung cơ sở dữ liệu thực vật, trong đó có bộ mẫu vật phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên đa dạng KBTTN Sông Thanh, nghiên cứu này trình bày kết quả điều tra thành phần loài, phân bố và tạo lập bộ mẫu vật thực vật đặc trưng cho các kiểu thảm thực vật khu vực nghiên cứu. Nhiệm vụ này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài thuộc Ủy ban phối hợp - Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga: “Nghiên cứu tổ chức cấu trúc- chức năng của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới phục vụ bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững”. Mã số đề tài: E 1.2.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm khảo sát

- Đối tượng: Các loài thực vật bậc cao có mạch KBTN Sông Thanh.

- Thời gian, đại điểm: Trong thời gian từ 20 tháng 4 đến 11 tháng 5 năm 2019, các cuộc khảo sát được thực hiện tại vùng lõi và vùng đệm của KBTN Sông Thanh trên địa bàn xã La Dee, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (hình 1). Thiết kế 10 tuyến khảo sát trên sườn núi theo các đường mòn trong Khu bảo tồn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp điều tra theo tuyến:** Thực hiện theo các phương pháp khảo sát thực địa và thu thập mẫu vật trên các tuyến khảo sát. Chọn các tuyến khảo sát điển hình, dựa trên bản đồ địa hình và bản đồ hiện trạng sử dụng đất cùng với chỉ dẫn của người dân địa phương.

- **Phương pháp thu mẫu:** Mỗi loài thực vật được thu thập 2-3 mẫu có các đầy đủ các bộ phận lá, hoa, quả (nếu có). Mẫu được mã hóa bằng số thứ tự từ thấp đến cao theo từng loài và tiến hành xử lý mẫu theo quy tắc làm mẫu thực vật. Mẫu thực vật thu hái trên hiện trường được xác định nhanh tên thường gọi, tên địa phương và tên khoa học để làm cơ sở cho việc giám định nội nghiệp



Hình 1. Sơ đồ khu vực nghiên cứu

- **Phương pháp xử lý số liệu nội nghiệp:** Mẫu thực vật được thu thập, xử lý, phân tích, xác định tên khoa học và sắp xếp theo bậc phân loại ngành, lớp, họ, chi, loài theo hệ thống phân loại của Phạm Hoàng Hộ [3], Wu và Peter [4]; Aubreville và Morat [5] và Armen Takhtajan [6].

- **Phương pháp chuyên gia:** tham khảo GS.TS. Phan Kế Lộc

- **Phương pháp đánh giá:** Đánh giá các loài có nguy cơ bị đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [7], IUCN (2019) và Nghị định 32/2006 ND-CP [8]; Đánh giá về khả năng sử dụng các loài làm cây dược liệu của Võ Văn Chi [9].



(A)

(B)

Hình 2. Hình ảnh mẫu vật: A- hình ảnh mẫu vật ngay sau khi thu mẫu; B- hình ảnh tiêu bản sau khi hoàn thiện

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Các mẫu tiêu bản thực vật có số hiệu đầy đủ và thông tin liên quan (hình 2) được lưu trữ tại Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga. Các mẫu được xác định sơ bộ tên đến chi hoặc loài ngoài thực địa; được GS.TS. Phan Kế Lộc thẩm định danh pháp khoa học và tên tiếng Việt. Các thông tin về tên khoa học mới nhất, tên đồng nghĩa, tên tác giả, công dụng, mức độ bảo tồn được tham khảo, cập nhật theo các tài liệu chuyên ngành.

Ở mỗi nơi, các taxon có số loài phổ biến nhất được xem là những taxon đặc trưng cho hệ thực vật địa phương đó [10]. Bằng cách tính số lượng loài trong một họ, chúng tôi tìm ra được các họ có nhiều loài nhất trong khuôn khổ công tác khảo sát nhằm bước đầu xây dựng bộ tiêu bản thực vật tại Phòng Sinh thái cạn, Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, cụ thể quá trình khảo sát và điều tra trên 10 tuyến tại Khu BTTN Sông Thanh chúng tôi đã xác định được 71 loài thuộc 40 họ (kèm theo bộ mẫu tiêu bản với hình ảnh được trình bày trong phần phụ lục). Các loài thực vật cấu thành một hệ thực vật khác nhau về tính thích nghi với điều kiện bất lợi để tồn tại qua mùa khô khốc của năm, điều đó được thể hiện qua dạng sống của chúng [10], do đó việc nghiên cứu môi trường sống có vai trò hết sức quan trọng. Kết quả ghi nhận về điều kiện sống từng loài thực vật thu thập được ở Sông Thanh được chỉ ra trong phần kết quả dưới đây. Từng họ được sắp xếp theo thứ tự alphabet, trong mỗi họ danh lục được ghi nhận theo các thông tin: Tên loài tên latin (tên loài Việt Nam). Ký hiệu mẫu. Địa điểm thu chi tiết tới xã. Tọa độ, độ cao. Mô tả nơi sống. Ghi chú (nếu có).

(1) Actinidaceae (Họ Dương đào):

(1.1) *Saurauia napaulensis* DC. (Cây) Sô đá nê pan. ST155. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 945 m. Rải rác trên các cạnh và trong các khu vực mở của rừng hỗn hợp nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị xáo trộn, trên sườn của những ngọn núi không đá vôi. Cây thường xanh cao vừa tầm, cao 5-8m.

(1.2) *Saurauia tristyla* DC. (Cây) Sô đá hoa thân. ST090. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889m. Thường mọc ven theo bờ suối trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, cao 2-4 m; hoa mọc thành chùm.

(1.3) *Actinidia latifolia* (Gardn. & Champ.) Merr. (Dây) Dương đào lá rộng, (dây) Ki vi hoang. ST041. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42.3", 1199 m. Rải rác trong các khu vực khá ẩm ướt và các vị trí rìa ngoài của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường bị tác động, trên sườn của những ngọn núi đá. Cây thân gỗ nhỏ nhiều nhánh, dài tới 4-9 m.

(2) Agavaceae (Họ Thùa):

(2.1) *Dracaene gracilis* Wall. (Cây) Phất dù mảnh. ST075. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56, 905m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven hồ trong rừng hỗn giao đất thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, cao khoảng 1,1 m; lá hình lưỡi dao hẹp, rộng khoảng 2,2 cm.

(3) Alangiaceae (Họ Thôi ba):

(3.1) *Alangium chinense* (Lour.) Harms. (Cây) Thôi chanh bắc. ST097. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", độ cao 889 m. Rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới dưới thấp thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn của những ngọn núi đá. Cây bụi hoặc cây thường xanh nhỏ, cao 2-5 m; cuống lá 1,5-2 cm; phiến lá 5-9 x 3-5 cm, không đối xứng, 3 gân ở gốc; chùm hoa tới 12 hoa, dài 2 cm.

(4) Annonaceae (Họ Na):

(4.1) *Annona glabra* L. (cây) Nê (Cây) Bình bát nước. ST105. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", độ cao 901 m. Thường mọc ven theo bờ suối trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi đá. Cây bụi, cao tới 2-3 m; quả 8 x 6 cm.

(5) Araceae (Họ Ráy):

(5.1) *Alocasia longifolia* Miq. (Cây) Ráy lá dài. ST136. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Thường mọc dọc theo bờ suối trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh, trên sườn núi đá. Cây (lâu năm) thân thảo sống trên mặt đất, cao 0,4 m.

(5.2) *Homalomena occulta* Schott. (Cây) Thiên niên kiện, (Cây) Sơn thực. ST031. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'59.9", 107°23'08.6", 999 m. Rải rác ở các khu vực ẩm ướt phía ngoài của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường bị tác động mạnh, trên sườn núi đá. Cây thân thảo sống trên mặt đất, cao tới 0,3 m.

(6) Asclepiadaceae (Họ Thiên lý):

(6.1) *Hoya pedunculata* (Warb.) Schltr. (Dây) Hoa sao cuống dài. ST059. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Phân tán khu vực rìa ngoài trong rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn của các dãy núi đá. Cây dây leo nhỏ, dài tới 3-5 m; Hoa màu vàng nhạt.

(7) Asteraceae (Họ Cúc):

(7.1) *Vernonia cumingiana* Benth. (Dây) Bạch đầu có song. ST063. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác ngoài rìa và các vị trí thoáng đãng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi đá. Cây bụi có chiều dài tới 5-10 m, phiến lá thuôn dài, cỡ 14-20 x 6-8 cm.

(7.2) *Pluchea eupatorioides* Kurz. (Cây) Cúc tần không răng cưa. ST064. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. rải rác trong rừng hỗn giao thường xanh nhiệt đới đất thấp, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, chiều cao thân lên đến 2-3 m; giữa lá với cuống lá đến 0,8 cm; phiến lá elip hẹp.

(7.3) *Erectites valerianifolia* (Wolf) DC. (Rau) Tàu bay. ST145. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong vùng đất ẩm ướt trong vùng thường xuyên bị tác động của rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa, trên sườn núi đá. Cây thân thảo cao 0,4-0,6 m.

(7.4) *Gynura bodinieri* H. Lévl. (Rau) Tàu bay đại. ST 146. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong vùng đất ẩm ướt thường xuyên bị tác động của rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa, trên sườn núi đá. Cây cỏ đại cao 0,4-0,6 m.

(8) Commelinaceae (Họ Thài Lài):

(8.1) *Polia thyrsiflora* (Blume) Endley ex Hassk. (Cỏ) Bôn dầy. ST123. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 940 m. Rải rác trong các khu vực rất ẩm ướt, dọc theo bờ suối hoặc ven hồ của rừng hỗn giao thường xanh nhiệt đới đất thấp, trên sườn núi đá. Cây trên cạn lâu năm, cao 1-1,2 m; chùm hoa nhỏ.

(9) Connaraceae (Họ Dây trường điều):

(9.1) *Rourea minor* (Gaertn.) Aubl. (Dây) Khế leo ít lá. ST141. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong rừng hỗn giao thường xanh nhiệt đới đất thấp, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, thân cao 2-4 m; 5-7 lá.

(10) Convolvulaceae (Họ Bìm Bìm):

(10.1) *Argyreia aff. mollis* (Burm.f.) Choisy. (Dây) Thảo bạc lông trắng. ST094. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 901 m. Nằm rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh, trên sườn núi đá. Dây leo trên cạn lâu năm 3-5 m. Nhiều hoa.

(11) Cupressaceae (Họ Hoàng đàn hay họ Bách):

(11.1) *Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry & H.H. Thomas. (Cây) Pơ mu. ST039. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42", 1198 m. Rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh, trên sườn núi đá. Cây thường xanh, cao 10-20 m (mẫu vật thu thập được là từ cây non). Cây gỗ. EN A1a,c,d theo SDVN.

(12) Cyperaceae (Họ Cói):

(12.1) *Hypolytrum nemorum* (Vahl) Spreng. (Cỏ) Hạ si rừng. ST021. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'59.9", 107°23'08.6", 1010 m. Rải rác trong các khu vực ẩm ướt của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi đá. Cây thân thảo cao tầm 1 m; lá cỡ 0,8-1 x 0,025 m.

(13) Euphorbiaceae (Họ Đại kích):

(13.1) *Mallotus peltatus* (Geiseler) Müll.Arg. (Cây) Bùm búp nâu lá ô. ST106. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 901 m. Rải rác trong các khu vực bị tác động mạnh của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa, trên sườn núi đá. Cây bụi, cao 2-6 m.

(13.2) *Baccaurea ramiflora* Lour. (Cây) Dầu da đất. ST130. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 950 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven theo các hồ của rừng hỗn giao khu vực núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi đá. Cây gỗ cao 10-15 m, Hoa xếp thành chùm dài ở nách. *Cây ăn quả.*

(13.3) *Jatropha podagrica* Hook.f. (Cây) Dầu lai có củ. ST111. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 900 m. *Trồng làm cây cảnh.* Cây thân thảo cao 1-1,5 m; lá hình khiên. Hoa màu đỏ. *Cây thuốc.*

(13.4) *Macaranga denticulata* Müll.Arg. (Cây) Lá nển. ST092. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven hồ rừng hỗn giao khu vực núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, cao thường từ 1-4 m; lá hình lưỡi giáo; hoa dạng chùm.

(13.5) *Deutzianthus tonkinensis* Gagnep. (Cây) Mọ. ST109. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 900 m. Rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi đá. Cây thường xanh, kích cỡ khoảng 10-15 x 0,1-0,2 m, hoa dạng chùm, hoa nhỏ. *Cây gỗ nhỏ.*

(13.6) *Macaranga trichocarpa* (Reichb. & Zoll.) Mull.Arg. (Cây) Mã rặng trái có lông. ST061. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác trong các khu vực thoáng, ngoài rìa của rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động khá mạnh, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ nhiều nhánh, cao tới 2-3 m; phiến lá hình tam giác kích cỡ khoảng 11-14 x 7-11 cm, cuống lá 4 - 6 cm; hoa mọc ở cuống lá 1-3 cm. *Cây ăn quả.*

(14) Gramineae hoặc Poaceae (Họ Hòa thảo):

(14.1) *Coix lacryma jobi* L. var. *lacryma jobi*. (Cỏ) Ý dĩ. ST112. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 900 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc đầm lầy trong rừng hỗn giao đất thấp nhiệt đới theo mùa thường xanh bị tác động, trên sườn núi đá. Cây thân thảo cao 1 m. *Cây thuốc.*

(15) Guttiferae hoặc Clusiaceae (Họ Bứa):

(15.1) *Calophyllum touranesis* Gagnep. Ex P.F. Stevens. ST043. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'57.8", 107°22'57.7", 1214 m. Rải rác tại các khu vực thoáng vắng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ, cao tới 2-4 m.

(16) Labiatae hay Lamiaceae (Họ Hoa môi):

(16.1) *Gomphostemma chinense* Oliv.var. *cauliflorum* C.Y.Wu. (Cây) Đinh hùng bắc. ST119. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", elev. 940 m. Rải rác trên trong các khu vực khá ẩm ướt của rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh bị tác động mạnh, trên sườn núi đá. Cây thân thảo mọc trên mặt đất cao 0,3-0,6 m; cuống lá dài 4-6 cm, phiến lá hình elip đến hình trứng, lá có răng cưa, đỉnh chóp.

(16.2) *Elsholtzia blanda* (Benth.) Benth. (Cây) Kinh giới rừng. ST095. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác dọc theo bờ suối ẩm ướt hoặc ven hồ trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thân thảo khá cứng, cao 1-1,5 m; thân và cành rậm rạp; phiến lá hình elip kích cỡ 3-8 x 0,8-3,5 cm; hoa hình bông lúa. *Cây thuốc.*

(17) Lauraceae (Họ Long não hay Họ Nguyệt quế):

(17.1) *Litsea cubeba* (Lour.) Pers. (Cây) Màng tang. ST036. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42.3", 1179 m. Rải rác trong các khu vực thoáng vắng trong rừng hỗn giao nhiệt đới tái sinh thường xanh theo mùa, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ cao tới 3-8 m. *Cây thuốc và tinh dầu.*

(18) Liliaceae hoặc Smilacaceae (Họ Loa kèn)

(18.1) *Smilax potingeri* Prain. (Dây) Kim cang gốc tim. ST016. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56,7", 107°23'13.5", 998 m. Rải rác ngoài biên hoặc khu vực thoáng vắng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây dây leo mọc từ đất, thân phân nhánh, không có lông, lá hình tim. *Cây thuốc.*

(18.2) *Smilax glabra* Roxb. (Dây) Kim cang nhẵn. ST085. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 900 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây dây leo mọc từ đất lâu năm, thân phân nhánh, không có long, phiến lá có 3 gân chính, lá hình tim đầu nhọn.

(18.3) *Ophiopogon longifolius* Decne. (Cây) Mạch môn lá dài. ST135. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong các nhóm nhỏ dọc theo bờ suối trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thân thảo mọc từ đất cao 0,6-0,8 m; quả chín hình cầu đường kính 0,8 cm.

(19) Leguminosae - Papilionoideae (Họ Đậu - Phân họ Đậu):

(19.1) Leguminosae - Papilionoideae (Họ Đậu - Phân họ Đậu). *Millettia pachyloba* Drake. (Dây) Mía lủi. ST100. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 901 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới theo mùa thường xanh bị tác động, trên sườn núi. Cây dây leo thân gỗ, dài tới 5-14 m. Cây dùng làm thuốc trừ sâu.

(19.2) Leguminosae - Mimosoideae (Họ Đậu - Phân họ Trinh nữ). *Archidendron occultatum* (Gagnep.) I.Niels. (Cây) Mán đĩa lá nhỏ có long. ST080. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 900 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven hồ trong rừng hỗn giao đất thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao khoảng 1,1 m; lá hình lưỡi dao hẹp, rộng khoảng 2,2 cm.

(20) Loranthaceae (Họ Tầm gửi hay họ Tầm gửi hoặc họ Chùm gửi):

(20.1) *Helixanthera annamica* Danser. (Cây) Tầm gửi trung bộ. ST139. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong rừng hỗn hợp nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. VU A1c theo SDVN.

(21) Meliaceae (Họ Xoan):

(21.1) *Aglaia cinerea* King. (Cây) Gội nâu tro, Gội quả màu sôcôla. ST048. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'57,8", 107°22'57.7", 1200 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi. Cây cao tới 5-8m, lá dài tới 25-25 cm; hoa ở nách lá, dài tới 18 cm.

(22) Melastomataceae (Họ Mua):

(22.1) *Pseudodissochaeta septentrionalis* (W.W.Sm.) Nayar. (Cây bụi) Mua trườn. ST017. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56,7", 107°23'13.5", 1000 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi, cao tới 2-3 m.

(22.2) *Allomorphia sulcata* C. Hans. (Cây) Đa hình song. ST019. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'59,9", 107°23'08.6", 1005 m. Rải rác trong các khu vực ẩm ướt và các khu vực thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi. Cây bụi, cao 0,7-1 m.

(22.3) *Medinilla assamica* (C.B. Clarke) C. Chen. (Cây) Minh điền átxam, (cây) Minh điền lá không cuống. ST114. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 900 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven hồ trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao 1-4 m, lá hình lưỡi giáo, hoa nhỏ mọc thành chùm.

(23) Moraceae (Họ Dâu tằm):

(23.1) *Ficus callosa* Willd. (Cây) Đa chai. ST110. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 900 m. Rải rác dọc theo bờ suối trong rừng hỗn giao đất thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn của những ngọn núi đá. Cây thường xanh lớn, cao tới 25-25 m; phiến lá rộng hình elip kích cỡ khoảng 14-22 x 9-12 cm; quả sung ở nách lá với đường kính quả 2,5 cm, cuống quả 5 cm.

(23.2) *Ficus fulva* Reinw. ex Blume. (Cây) Ngõa lông, Cây lá mán, Ngái vàng. ST009. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56,7", 107°23'13.5", 1011 m. Rải rác vùng ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao 1,5-4 m; cành và lá non phủ dày đặc với những sợi lông dày màu gỉ sắt, với cây non thì màu vàng nhạt; quả và lá non ở nách lá.

(23.3) *Ficus macilenta* King. (Cây) Sung lá hẹp (trái không cuống mọc đối). ST068. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác vùng ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động khá mạnh mẽ, trên sườn núi. Cây bụi thấp nhiều nhánh, cao tới 1-1,4 m, vỏ nhẵn; phiến lá hẹp hình ngọn giáo kích cỡ 12-15 x 2 cm, đỉnh chóp; quả sung trên nách lá, đường kính quả 7-8 mm.

(23.4) *Ficus subulata* Blume. (Cây) Sung mũi. ST104. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 901 m. Rải rác dọc theo bờ suối trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi đá. Cây dây leo nhỏ, dài tới 2-3 m.

(24) Myristicaceae (Họ Nhục đậu khấu):

(24.1) *Knemaphycarpa* de Wilde. (Cây) Máu chó có lông nhung. ST128. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 950 m. Rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thường xanh, kích cỡ trung bình tới 10-20 x 0,4-0,6 m.

(25) Myrtaceae (Họ Đào kim nương):

(25.1) *Rhodomyrtus tomentosa* (Ait.) Hassk. (Cây) Sim. ST042. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42.3", 1198 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi đá. Cây bụi nhỏ cao tới 1-3 m.

(26) Myrsinaceae (Họ Đơn nem hay Họ Cơm nguội):

(26.1) *Maesa ramentacea* (Roxb.) A.D.C. (Cây) Đơn nem nhẵn có rang. ST060. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ nhiều nhánh, cao tới 3-5m; phiến lá hình lưỡi giáo kích thước 9 x 2,7 cm, rìa răng cưa; Cụm hoa mọc ở nách lá, nhiều nhánh, dài tới 10 cm; quả tròn hình cầu đường kính 2 mm.

(27) Pentaphragmataceae (Họ Ngũ cách, Họ Rau lưỡi bò, Họ Rau tai voi):

(27.1) *Pentaphragma sinense* Hemsl. & Wils. (Rau) Tai voi lùn. ST 004. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56.7", 107°23'13.5", 1011 m. Rải rác trên lớp cỏ của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây thân thảo lâu năm, cao 0,2 m.

(28) Podocarpaceae (Họ Thông tre):

(28.1) *Dacrycarpus imbricatus* (Hickel) de Laub. (Cây) Thông Lông gà. ST005. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56.7", 107°23'13.5", 1011 m. Phân tán trong tầng cây cao nhất và tầng thứ hai của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi.

(28.2) *Dacrydium elatum* (Roxb.) Wall. Ex Hook. (Cây) Thông đuôi chồn. ST038. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42.3", 1199 m. Di tích còn lại rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thường xanh, cao tới 10-20 m; mẫu vật thu được từ cây non.

(28.3) *Podocarpus neriifolius* var. *annamiensis* (N.E. Gray) L.K. Phan. (Cây) Thông tre lá vừa. ST027. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'59,9", 107°23'08.6", 999 m. Rải rác trong các khu vực thoáng đăng của lớp cây bụi trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ cao 2-3 m.

(28.4) *Nageia fleuryi* (Hickel) de Laub. (Cây) Kim giao hạt to. ST079. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'56", 899 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven các hồ của rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao khoảng 1,1 m; Lá dày hình trái xoan nhọn giáo hoặc trứng, rộng khoảng 2,2 cm; Quả nón hình cầu, đường kính 1,5-2 cm khi chín màu đen, cuống dài 2 cm dễ hoá gỗ, to bằng cuống. Cây gỗ.

(29) Rubiaceae (Họ Cà phê):

(29.1) *Hedyotis acutangula* Champ. ex Benth. (Cỏ) An điền bốn cạnh. ST034. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56,7", 107°23'13.5", 999 m. Rải rác ở các khu vực ẩm ướt và những khu vực thoáng đãng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi đá. Cây thân thảo sống trên cạn lâu năm, dài tới 0,3 m.

(29.2) *Morinda officinalis* F.C. How. (Dây) Ba kích. ST096. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây nhỏ, thân thảo lâu năm. *Cây thuốc*.

(29.3) *Mussaenda cambodiana* Pierre ex Pit. (Dây) Bướm bạc. ST028. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'40.7", 107°22'42.3", 1179 m. Rải rác trong các khu vực khá ẩm ướt và các vị trí thoáng đãng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, phân nhánh nhiều, dài tới 3-6 m.

(29.4) *Uncaria homomalla* Miq. (Dây) Câu đằng. ST154. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven các hồ trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao 1-4 m, lá hình lưỡi gao rộng 2-3 cm; thiết bị đầu cuối phát quang. Hoa nhỏ dạng chùm. *Cây thuốc*.

(29.5) *Aidia oxyodonta* var. *microdonta* (Pit.) Phamhoang. (Cây) Đà khoai ít gân. ST067. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ nhiều nhánh, cao tới 3-5 m. Hoa thành cụm dài 2-3 cm.

(29.6) *Neolamarckia cadamba* (Roxb.) Bosser. (Cây) Gáo trắng nước. ST108. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 901 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc đầm lầy trong rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa, trên sườn núi. Cây thường xanh, kích cỡ lớn tới 20-30 x 0,8-1,5 m. *Cây gỗ*.

(30) Rutaceae (Họ Cam):

(30.1) *Melicope pteleifolia* (Champ. ex Benth.) T.G. Hartley. (Cây) Ba chạc. ST050. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'57,8", 107°22'57,7", 1218 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh mẽ, trên sườn núi. Cây cao tới 3-5 m; mẫu vật thu thập từ các nhánh cây thấp hơn. *Cây thuốc*.

(30.2) *Macclurodendron oligophlebia* (Merr.) T.G. Hartley. (Cây) Bưởi bung ít gân. ST065. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đãng trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây thường xanh nhỏ, cao tới 5-9 m; cuống lá dài tầm 1,5 cm; phiến lá hình trứng kích thước khoảng 12-17 x 3,5-7 cm; hoa ở nách lá với độ dài 4-6 cm.

(30.3) *Tetradium daniellii* (Benn.) T.G. Hartley (syn. *Euodia sutchuenensis* Dode). (Cây) Dầu dầu mặt dưới lá có tuyến đỏ. ST099. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác ngoài biên hoặc các vị trí thoáng đăng trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa, trên sườn núi. Cây bụi hoặc dây leo, độ dài (cao) tầm 3-8 m, hiếm khi cao hơn 12 m; lá hình lông chim, hoa dạng chùm.

(31) Rosaceae (Họ Hoa hồng):

(31.1) *Rubus cochinchinensis* Tratt. (Cây) Ngấy hương. ST008. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'56.7", 107°23'13.5", 1011 m. Ngoài rìa của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ cao tầm 2-4 m. *Cây thuốc*.

(31.2) *Rubus leucanthus* Hance. (Cây) Mâm xôi. ST086. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22.7", 107°23'59", 889 m. Rải rác trong các khu vực thoáng đăng của rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi có gai cao tầm 1-4 m; hoa dạng chùm; hoa màu trắng.

(32) Sapindaceae (Họ Bồ Hòn):

(32.1) *Nephelium melliferum* Gagnep. (Cây) Vải rừng. ST057. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'57.8", 107°22'57.7", 1213 m. Rải rác trong rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thường xanh, cao tới 7-15 m; phiến lá hình elip kích cỡ khoảng 8-11 x 3-4,5 cm; hoa ở nách lá hoặc đầu cuối, dài tới 15 cm.

(33) Simaroubaceae (Họ Thanh thất)

(33.1) *Eurycoma longifolia* Jack. (Cây) Bá bình (Bách bệnh). ST074. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°32'26", 107°22'56", 905 m. Rải rác phía ngoài rìa rừng hoặc trong các khu vực thoáng đăng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động mạnh, trên sườn núi. Cây bụi thường xanh hoặc dây leo, cao 3-5 m; hoa nhiều nhánh. *Cây thuốc*.

(34) Passifloraceae (Họ Lạc tiên):

(34.1) *Adenia banaensis* Cusset. (Dây) Thư diệp bà nà. ST152. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 945 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven hồ trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi. Dây leo thân gỗ nhỏ, dài 2-3 m; phiến lá hình elip kích thước khoảng 15-18 x 4-5 cm.

(35) Proteaceae (Họ Quắn hoa, họ Mạ sưa, họ Cơm vàng hay họ Chẹo thui):

(35.1) *Helicia formosana* var. *oblanceolata* Sleumer. (Cây) Túng hoặc Hoa quắn. ST142. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác phía ngoài rìa rừng hoặc trong các khu vực thoáng đăng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao 1,5-3 m.

(36) Ulmaceae (Họ Du):

(36.1) *Gironniera subaequalis* Planch. (Cây) Ngát. ST124. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 940 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc ven các hồ trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi nhỏ, cao 1-4 m; phiến lá hình ngọn giáo hẹp rộng 2-3 cm; hoa nhỏ, dạng chùm.

(37) Urticaceae (Họ Tầm ma):

(37.1) *Laportea thorelii* Gagnep. (Cây) Lá han nhỏ. ST125. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 940 m. Rải rác trong các khu vực rất ẩm ướt, dọc theo bờ suối trong rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thân thảo, cao tới 0,4-0,6 m; chùm hoa thưa thớt dài tầm 15-20 cm.

(38) Verbenaceae (Họ Cỏ roi ngựa, Họ Têch):

(38.1) *Clerodendrum gaudichaudii* Dop. (Cây) Ngọc nữ mũi giáo ngược. ST148. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'22", 107°23'54", 920 m. Rải rác trong vùng đất ẩm ướt gần khu vực rừng hỗn giao nhiệt đới núi thấp thường xanh theo mùa bị tác động, trên sườn núi. Cây bụi thấp, cao tới 2-4 m; cuống lá 1-2 cm; phiến lá thuôn kích cỡ 9-22 x 3-6 cm, đỉnh chóp, rìa răng cưa không đều.

(39) Vitaceae (Họ Nho):

(39.1) *Cayratia japonica* (Thunb.) Gagnep. var. *japonica*. (Dây) Vác lá nhỏ. ST082. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'27", 107°23'59", 887 m. Rải rác dọc theo bờ suối hoặc men theo những đường mòn trong rừng hỗn giao núi thấp nhiệt đới thường xanh bị tác động thường xuyên, nằm trên sườn núi. Cây thân thảo lâu năm.

(40) Zingiberaceae (Họ Gừng):

(40.1) *Alpinia chinensis* (Retz.) Roscoe. (Cây) Riềng. ST030. Tỉnh Quang Nam, huyện Nam Giang, xã La Dee. 15°33'59,9", 107°23'08.6", 1000 m. Mọc trong các nhóm nhỏ trong các khu vực rìa rừng tại nơi khá ẩm ướt và trong các khu vực khá thoáng đãng của rừng hỗn giao nhiệt đới thường xanh theo mùa thường xuyên bị tác động, trên sườn núi. Cây thân thảo sống lâu năm, cao tới 1 m; phiến lá dài 0,3-0,4 m, hẹp; hoa dài 10-15 cm.

Với bộ sưu tập chưa nhiều, song đã bước đầu chỉ ra những họ có tính ưu thế của KBTTN Sông Thanh: Họ Rubiaceae (số loài thu được chiếm 8,45% trên tổng số loài được ghi nhận); Họ Euphorbiaceae (số loài thu được chiếm 8,45% trên tổng số loài được ghi nhận). Hai loài *Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry & H.H. Thomas và *Helixanthera annamica* Danser được xếp vào danh sách loài nguy cấp với mức độ suy giảm quần thể, khả năng tái sinh kém, bị khai thác kiệt quệ ngoài tự nhiên, sinh cảnh bị tác động mạnh.

4. KẾT LUẬN

- KBTTN Sông Thanh là nơi chứa đựng những giá trị lớn về đa dạng sinh học với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới núi trung bình và núi thấp. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xây dựng được bộ mẫu tiêu bản thực vật cho 71 loài thuộc 40 họ cùng các mô tả và ảnh chụp về chúng.

- Những họ được xem là ưu thế được đánh giá dựa trên số lượng mẫu vật thu thập được từ các loài (từ 5 mẫu trở lên). Theo đó, họ Rubiaceae và Euphorbiaceae chiếm ưu thế. Đã xác định được 2 loài *Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry & H.H. Thomas và *Helixanthera annamica* Danser cần được ưu tiên bảo tồn bởi thực trạng của chúng trong khu vực; 10 loài cây có giá trị dược liệu (14% tổng số loài ghi nhận), 3 loài cây có giá trị lấy gỗ (4,2% tổng số loài ghi nhận), 2 loài cây ăn quả (2,8% tổng số loài ghi nhận).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn An, Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Kim Anh, *Đa dạng thực vật ở khu bảo tồn Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam*, Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, 2011b, 2:1-8.
2. Nguyễn Văn An, Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Kim Anh, *Phân tích các yếu tố địa lý và giá trị tài nguyên của hệ thực vật Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam*, Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần 4, 2011, tr. 1069-1074.
3. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam, An Illustrated Flora of Vietnam*, Montréal-published by the author, 1991-1993, tập I (cuốn 1, 2), tập II (cuốn 1, 2), tập III (cuốn 1, 2).
4. Wu Z., Raven P.H., Heng D.Y., *Flora of China, Illustrations*, Science Press (Beijing) & Missousi Botanical Gardend (St. Louis), 2009-2013, tập 2-25.
5. Aubreville A., Morat P., *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam*, 1960-2018, tập 1-38.
6. Tahktajan A., *Diversity and Classification of Flowering Plants*. Springer Science & Business Media. Columbia University Press, New York, 1997.
7. Bộ Khoa học và Công nghệ, *Sách đỏ Việt Nam - Phần Thực vật*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007.
8. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc *Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*.
9. Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội, 2012, Tập 1, 2.

10. Nguyễn Khắc Khôi, Vũ Xuân Phương, Đỗ Thị Xuyên, Đỗ Văn Hải, Nguyễn Thế Cường, Trần Thị Phương Anh, Nguyễn Thị Thanh Hương, Dương Thị Hoàn, Dương Đức Huyền, Phạm Văn Thế, Trần Minh Hoi, *Đa dạng thành phần loài thực vật bậc cao có mạch tại KBTTN Hoàng Liên, Văn Bàn, Lào Cai*, Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần 4, 2011, tr. 668-673.

SUMMARY

PREPARING THE DRY PLANT SPECIMENS COLLECTION OF SONG THANH NATURAL RESERVE AREA, QUANG NAM PROVINCE

Song Thanh Nature Reserve (STNR) is located in Nam Giang and Phuoc Son districts, within Quang Nam province along the Vietnam-Laos border, included 93,249 ha of core zone and 108,398 ha of buffer zone. A total of 831 plant species were recognized in 1997 and 1999 by WWF. This study was implemented intend for building the plant specimen, which was operated in the core and buffer zone of Song Thanh Nature Reserve located in La Dee Commune, Nam Giang District. Total of 71 species, belonging to 40 families were represented in specimens; Fam. Rubiaceae and Fam. Euphorbiaceae are considered as the dominant species; *Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry & HH Thomas and *Helixanthera annamica* Danser to be listed among the endangered species in the Vietnam Red Data Book (2007); 10 species of valuable medicinal plants, 3 species of valuable timber, 2 species of fruit trees.

Keywords: Các loài thực vật, đa dạng loài, sông Thanh.

Nhận bài ngày 25 tháng 9 năm 2019

Phản biện xong ngày 16 tháng 10 năm 2019

Hoàn thiện ngày 18 tháng 10 năm 2019

⁽¹⁾ *Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga*

⁽²⁾ *Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội*